

Số: 82/2022/QĐST-HNGĐ

B, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 102/2022/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa :

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T; Sinh năm 1987

HKTT: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Ngân Văn T; Sinh năm 1985

HKTT: Thôn B, xã Lũng C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị T và anh Ngân Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Ngân Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngân Thị Việt Ú, sinh ngày 22/10/2007 và Ngân Thúy N, sinh ngày 23/3/2013. Nay ly hôn chị T, anh T thỏa thuận giao cháu Ngân Thị Việt Ú cho T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành

niên, giao cháu Ngân Thúy N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hà Thị T và anh Ngân Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản và công nợ: Chị Hà Thị T và anh Ngân Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 6 Điều 19, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Hà Thị T và anh Ngân Văn T tự nguyện thỏa thuận: Chị Hà Thị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho chị Hà Thị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2021/0008652 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA;
- UBND xã L;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga

